

Bản án số: 230/2022/DSPT

Ngày 06 - 12 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng

Bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông
Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2022/TLPT- DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DSST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2022/QĐPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Thùy N – Sinh năm: 1975; Địa chỉ: THĐ, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Dương Văn C – Sinh năm: 1966 và bà Lưu Thị M, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn X, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; đều có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Minh C1, sinh năm 1967; Địa chỉ: ND, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt

4. *Người kháng cáo:* Ông Dương Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn trình bày:**

Do có quan hệ quen biết nên vào khoảng cuối năm 2014 đầu năm 2015 bà Đỗ Thị Thùy N có cho ông Dương Văn C và bà Lưu Thị M vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng, từ ngày 21/12/2014 đến 21/01/2015, lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng, vay không thế chấp tài sản gì, mục đích vay ông C nói để mua bò, còn thực tế ông C vay tiền làm gì thì bà N không biết. Khi vay bà N giao tiền còn ông C viết giấy mượn tiền và ký tên xác nhận vào nội dung giấy vay tiền đưa cho bà N giữ. Sau khi vay, đến hạn trả ông C, bà M mới trả cho bà N được 2.400.000 đồng tiền lãi và 10.000.000 đồng tiền gốc, khi trả chỉ trao tay không viết giấy tờ gì. Do ông C, bà M không chịu trả số tiền gốc còn lại nên bà N khởi kiện yêu cầu ông C, bà M trả 20.000.000 đồng gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau đó bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông C, bà M trả số tiền nợ gốc còn lại là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và không yêu cầu trả lãi suất. Bà N xác định đây là khoản tiền làm ăn riêng, không liên quan tới ông C chồng bà N. Đối với lời trình bày của ông L và ông L1 về việc có nghe, thấy ông C trả tiền cho bà N, nhưng trả tiền cho khoản vay nào và số tiền cụ thể là bao nhiêu thì ông L, ông L1 không biết thì bà N xác nhận có nhận từ ông C 10 triệu đồng gốc tại thời điểm đầu năm 2015 khi đi cùng xe lên Buôn Ma Thuột để đáo hạn cho khoản vay của ông C, nay bà N cũng đồng ý khấu trừ vào số tiền nợ gốc. Bà N yêu cầu vợ chồng ông C, bà M trả cho bà N số tiền nợ gốc còn lại là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và không yêu cầu trả lãi suất.

****Bị đơn ông Dương Văn C trình bày:***

Ông có quen biết với bà N nên vào khoảng đầu năm 2015, do món vay vợ chồng ông tại Ngân hàng TMCP Q - chi nhánh Buôn Ma Thuột, (khoản vay 350.000.000 đồng) đã đến hạn trả nhưng vợ chồng ông chưa xoay đủ tiền để đáo hạn nên có hỏi vay tiền của bà N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng là 1.500.000 đồng/20 triệu/1 ngày. Khi vay tiền thì ông có viết giấy vay đưa cho bà N giữ, vay không có thế chấp tài sản gì, bà N chỉ giữ giấy chứng minh nhân dân gốc của ông cho đến khi trả nợ xong. Do thời gian vay cũng đã lâu rồi nên ông cũng không nhớ rõ cụ thể là vay tiền ngày nào mà chỉ nhớ là khoảng đầu năm 2015. Sau khi vợ chồng ông đáo hạn được ngân hàng thì vợ chồng ông đã trả tiền trực tiếp trả cho bà N với tổng số tiền 23.000.000 đồng, trong đó có đồng tiền nợ gốc và 3.000.000 đồng tiền nợ lãi của 2 ngày vay. Khi trả tiền chỉ trao tay, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn L, lúc đó ông thuê xe của ông L chở đi, chở về để đáo hạn ngân hàng (tiền xe thanh toán cho ông L 900.000 đồng 2 ngày). Sau khi vợ chồng ông trả tiền cho bà N, do tin tưởng bà N sẽ xé giấy nợ gốc nên vợ chồng ông cũng không yêu cầu bà N trả lại giấy vay gốc hay làm giấy xác nhận vợ chồng ông đã trả đủ tiền. Vợ chồng ông chỉ vay bà N một khoản vay duy nhất, không có khoản vay nào khác và khi trả cũng chỉ trả một

lần chứ không trả nhiều lần như phía bà N trình bày. Nay bà N lại đem giấy gốc mà ông viết vào năm 2015 đó để khởi kiện vợ chồng ông ra Tòa án buộc vợ chồng ông trả cho bà N tiền gốc 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), không yêu cầu tính lãi thì ý kiến của ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N cũng như không đồng ý trả 10 triệu đồng trên nữa vì vợ chồng ông đã trả đủ cho bà N vào năm 2015.

*** Bị đơn bà Lưu Thị M trình bày:**

Bà là vợ của ông Dương Văn C, bà hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của ông C. Về yêu cầu khởi kiện của bà N thì bà không đồng ý trả cho bà N số tiền 10 triệu đồng nữa vì bà xác định vợ chồng bà đã trả đủ số tiền vay 20 triệu gốc và lãi cho bà N vào năm 2015, hiện nay vợ chồng bà không còn nợ bà N khoản tiền nào, đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho vợ chồng bà.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh C1 trình bày:**

Ông C1 là chồng hợp pháp của bà N, đối với khoản tiền 20.000.000 đồng bà N cho ông C, bà M vay vào năm 2015 là tiền riêng của bà N, ông C1 không biết và cũng không liên quan gì nên ông C1 không có ý kiến yêu cầu gì đối với số tiền trên, ông C1 từ chối tham gia tố tụng.

*** Người làm chứng ông Nguyễn Văn L trình bày:**

Ông có mối quan hệ quen biết với bà N và vợ chồng ông C. Việc bà N và ông C, bà M thỏa thuận vay mượn tiền như thế nào thì ông L không biết. Vào khoảng năm 2015 ông L chở vợ chồng ông C, bà M, ông L1 và bà N lên ngân hàng để đáo hạn cho khoản vay của ông C. Sau khi chở về tới công chợ B, thị trấn B, huyện K thì ông có nghe thấy bà N đòi tiền ông C, ông C có đưa một cục tiền cho bà N, lúc đó bà N nói là chưa đủ, yêu cầu ông C phải đưa đủ tiền thì bà N mới lấy. Sau đó ông C có đưa tiền cho bà N thì bà N xuống xe cùng ông L1 còn ông chở vợ chồng ông C về nhà. Tuy nhiên, ông C đã trả cho bà N số tiền cụ thể bao nhiêu tại thời điểm đó thì ông cũng không biết, nên ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

*** Người làm chứng ông Nguyễn Hữu L1 trình bày:**

Ông có mối quan hệ quen biết với bà N, vợ chồng ông C và ông L. Việc vay mượn tiền giữa vợ chồng ông C và bà N thì ông không biết. Tuy nhiên, có một lần vào khoảng năm 2015 ông và ông C, bà N và ông L đi cùng nhau (đi xe ông L) để đi đáo hạn Ngân hàng cho ông C ở Buôn Ma Thuột, trên đường đi ông nhớ giữa ông C và bà N đưa tiền cho nhau còn cụ thể số tiền bao nhiêu, ai đưa cho ai như thế nào thì ông không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DSST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của TAND huyện Krông Ana đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Điều 160, Điều 161, Điều 162, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thùy N

Buộc ông Dương Văn C và bà Lưu Thị M phải trả cho bà Đỗ Thị Thùy N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền nợ gốc, không yêu cầu trả lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/8/2022, ông Dương Văn C kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn C – giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn C về việc không đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng cho nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Tại “Giấy mượn tiền” (Bút lục số 19) thể hiện vợ chồng ông Dương Văn C, bà Lưu Thị M có mượn của bà Đỗ Thị Thùy N số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng từ ngày 21/12 (không rõ năm) đến ngày 21/01/2015. Quá trình giải quyết vụ án ông C và bà N đều thừa nhận ông C vay tiền thời điểm năm 2014 nên có thể xác định khoản vay 20.000.000 đồng ông C vay của bà N từ ngày 21/12/2014. Tại Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của ông C, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng đều thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là chữ ký của ông C. Ông C kháng cáo cho rằng đã trả hết tiền gốc và lãi cho bà N nhưng vì tin tưởng bà N nên không xé bỏ giấy vay tiền, tuy nhiên ông C không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh đã trả đủ số tiền 20.000.000 đồng cho bà N, bà N cũng chỉ thừa nhận bị đơn chỉ mới trả được 10.000.000 đồng. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng là có căn cứ.

Từ nhận định trên thấy rằng kháng cáo của ông Dương Văn C không có căn cứ – giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 19/7 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Vì không được chấp nhận kháng cáo nên ông Dương Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn C - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

[2]. Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thùy N

Buộc ông Dương Văn C và bà Lưu Thị M phải trả cho bà Đỗ Thị Thùy N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền nợ gốc, không yêu cầu trả lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Dương Văn C và bà Lưu Thị M phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Thùy N số tiền 833.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007049 ngày 29/11/2021 tại chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2.3]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Dương Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0015131 ngày 03/8/2022 của Chi cục THADS huyện K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện K;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Sâm